

PHÒNG GD&ĐT TP HẠ LONG
TRƯỜNG TH HẠ LONG

THÔNG BÁO
Cam kết chất lượng giáo dục của trường tiểu học, năm học 2022-2023

STT	Nội dung	Chia theo khối lớp				
		Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
I	Điều kiện tuyển sinh	- Tất cả trẻ em 6 tuổi có hộ khẩu hoặc tạm trú thuộc trên địa bàn phường Hồng Gai, Bạch Đằng; trẻ em khuyết tật, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, trẻ em ở nước ngoài về nước, con em người nước ngoài làm việc tại Việt Nam có thể vào học lớp 1 ở độ tuổi từ 7 đến 9 tuổi. con em người nước ngoài làm việc tại Việt Nam theo điều lệ trường Tiểu học - Chỉ tiêu: học sinh/ 09 lớp - Hồ sơ tuyển sinh gồm có: 1. Bản sao giấy khai sinh hợp lệ. 2. Bản sao hộ khẩu. (Mang theo hộ khẩu bản chính để đối chiếu).	7 tuổi; đã hoàn thành chương trình lớp 1, được lên lớp 2, có hộ khẩu hoặc tạm trú thuộc phân vùng tuyển sinh tại trường	8 tuổi; đã hoàn thành chương trình lớp 2, được lên lớp 3, có hộ khẩu hoặc tạm trú thuộc phân vùng tuyển sinh tại trường	9 tuổi; đã hoàn thành chương trình lớp 3, được lên lớp 4, có hộ khẩu hoặc tạm trú thuộc phân vùng tuyển sinh tại trường	10 tuổi; đã hoàn thành chương trình lớp 4, được lên lớp 5, có hộ khẩu hoặc tạm trú thuộc phân vùng tuyển sinh tại trường
II	Chương trình giáo dục mà cơ sở giáo dục thực hiện	Chương trình GDPT 20218 cấp tiểu học ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ GDĐT			Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học ban hành theo Quyết định số 16/2006/QĐ-BGDĐT ngày 05/5/2006 của Bộ trưởng Bộ GDĐT	
III	Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình. Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh	1. Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình: - Thực hiện theo Thông tư 55/ 2011/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo ngày 22/11/2011 ban hành Điều lệ Ban Đại diện Cha mẹ học sinh. - Cơ sở giáo dục thường xuyên thông tin các hoạt động của trường, của ngành thông qua hệ thống bảng tin, trang web, sổ liên lạc, của đơn vị. - Họp Cha mẹ học sinh 03 lần/năm - Thông tin về Thông tư số 22/2016/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về đánh giá học sinh tiểu học ban hành kèm theo TT số 30/2014/ TT-BGDĐT ngày 28/8/2014 (đối với lớp 4,5). Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020 của Bộ Giáo dục và				

Biểu mẫu 06

**PHÒNG GD&ĐT TP HẠ LONG
TRƯỜNG TH HẠ LONG**

THÔNG BÁO

Công khai thông tin chất lượng giáo dục tiểu học thực tế, năm học 2022-2023

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp				
			Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
I	Tổng số học sinh	1829	285	341	438	355	410
II	Số học sinh học 2 buổi/ngày	1829	285	341	438	355	410
III	Số học sinh chia theo năng lực, phẩm chất						
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	1511 (82,6%)	81,8	81,8	80,6	87,3	82,0
2	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	319 (17,4%)	18,2	18,2	19,4	12,7	18,0
3	Cần cố gắng (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0	0
IV	Số học sinh chia theo kết quả học tập						
1	Hoàn thành tốt (tỷ lệ so với tổng số)	1418 (78,0%)	81,8	81,2	79,7	73,0	73,2
2	Hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	411 (22,5%)	18,2	18,8	20,3	27,0	26,8
3	Chưa hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0	0
V	Tổng hợp kết quả cuối năm						
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	1829 (100%)	100	100	100	100	100
a	Trong đó: HS được khen thưởng cấp trường (tỷ lệ so với tổng số)	1570 (85,8%)	81,8	81,2	80,1	91,5	93,7
b	HS được cấp trên khen thưởng (tỷ lệ so với tổng số)						
2	Ở lại lớp (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0	0

Hạ long, ngày 22 tháng 9 năm 2022

Thư trưởng đơn vị



Nguyễn Thị Thu Thủy

		Đào tạo về đánh giá học sinh tiểu học (đối với lớp 1,2,3). - Gia đình thường xuyên trao đổi với giáo viên chủ nhiệm hoặc qua sổ liên lạc điện tử, ...điện thoại. 2. Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh: - Chấp hành tốt các nội quy học sinh. - Thái độ học tập tích cực, chủ động. - Thực hiện tốt theo 5 điều Bác Hồ dạy. - Biết cách tự học; tự giác và có kỷ luật. - Năng động, sáng tạo; biết hợp tác và chia sẻ.
IV	Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của học sinh ở cơ sở giáo dục	- Sinh hoạt tập thể, sinh hoạt dưới cờ theo từng chủ điểm, hoạt động ngoại khoá theo yêu cầu thực tế, phù hợp cho từng lứa tuổi học sinh. - Sinh hoạt Đội, Sao Nhi đồng. - Tổ chức các Lễ phát động: tháng an toàn giao thông, theo chủ đề năm học... - Tổ chức hội giao lưu: Viết đúng viết đẹp, STEM; giải toán bằng TV; giải toán bằng TA; IOE; Hùng biện TA; - Tổ chức các hoạt động trải nghiệm sáng tạo. - Giao lưu phát triển năng lực
V	Kết quả năng lực, phẩm chất, học tập, sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được	- 100% học sinh hoàn thành chương trình lớp học - Đánh giá định kỳ các môn học: phần đầu 100 % trở lên học sinh đạt mức Hoàn thành, 100% lên lớp thẳng, trong đó trong đó 80,7% Xuất sắc đối với lớp 1,2,3; 78% hoàn thành Tốt đối với lớp 4,5. - Đánh giá định kỳ về năng lực, phẩm chất: 100% Đạt, trong đó 81,3% đạt Tốt đối với lớp 1,2,3; 84,4% hoàn thành Tốt đối với lớp 4,5 - Đảm bảo an toàn, vệ sinh, chăm sóc sức khỏe và phòng chống tai nạn, thương tích trong trường học cho học sinh. - Học sinh được tập luyện thể dục thể thao thường xuyên. - 100% học sinh lớp 5 hoàn thành chương trình tiểu học theo quy định của Thông tư 22/2016/TT-BGDĐT ngày 29/9/2016 - Phần đầu là đơn vị có môi trường giáo dục, chất lượng giáo dục đứng đầu khối Tiểu học cấp Tỉnh
VI	Khả năng học tập tiếp tục của học sinh	Học sinh được giáo dục, rèn luyện các năng lực, phẩm chất tốt, có kỹ năng tốt để tiếp tục học lên các lớp trên.

Hạ Long, ngày 22 tháng 9 năm 2022

Thủ trưởng đơn vị



Nguyễn Thị Thu Thủy

Biểu mẫu 08

PHÒNG GD&ĐT HẠ LONG
TRƯỜNG TH HẠ LONG

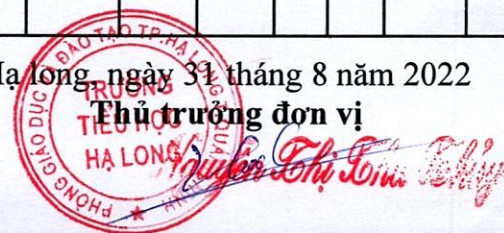
THÔNG BÁO

**Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên
của trường tiểu học, năm học 2022-2023**

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo					Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp				
			T S	ThS	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC	Hạng IV	Hạng III	Hạng II	Xuất sắc	Khá	Trung bình	Kém
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	71		03	64	4	0	0	5	33	32	37	34	0	0
	Giáo viên	67		02	61	4	0	0	5	33	32	33	34	0	0
	Trong đó số giáo viên dạy chuyên biệt:														
1	Tiếng dân tộc	0													
2	Ngoại ngữ	04			4					2	2				
3	Tin học	0													
4	Âm nhạc	3								2	1				
5	Mỹ thuật	2							1	1					
6	Thể dục	3							1	2					
II	Cán bộ quản lý										3	3			
1	Hiệu trưởng											1			
2	Phó hiệu trưởng											2			
III	Nhân viên				01										
1	Nhân viên văn thư	0													
2	Nhân viên kế toán	1			1										
3	Thủ quỹ	0													
4	Nhân viên y tế	0													
5	Nhân viên thư viện	0													
6	Nhân viên thiết bị, thí nghiệm	0													
7	Nhân viên công nghệ thông tin														
8	Nhân viên hỗ trợ giáo dục người khuyết tật	0													

Hạ Long, ngày 31 tháng 8 năm 2022

Thủ trưởng đơn vị



THÔNG BÁO

Công khai thông tin cơ sở vật chất của trường tiểu học, năm học 2022-2023

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học/số lớp	54/49	Số m ² /HS
II	Loại phòng học		-
1	Phòng học kiên cố	54	1.5
2	Phòng học bán kiên cố	0	-
3	Phòng học tạm	0	-
4	Phòng học nhờ, mượn	0	-
III	Số điểm trường lẻ		-
IV	Tổng diện tích đất (m²)	9760	
V	Diện tích sân chơi, bãi tập (m²)	4350	
VI	Tổng diện tích các phòng		
1. Khối phòng g phục vụ học tập	Diện tích phòng học (m ²)	54	2808 m ²
	Diện tích thư viện (m ²)	3	96 m ²
	Diện tích phòng giáo dục thể chất hoặc nhà đá năng (m ²)	1	200
	Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật (m ²)	3	156
	Diện tích phòng ngoại ngữ (m ²)	1	52 m ²
	Diện tích phòng học tin học (m ²)	1	52 m ²
	Diện tích phòng thiết bị giáo dục (m ²)	3	88 m ²
	Diện tích phòng hỗ trợ giáo dục học sinh khuyết tật học hòa nhập (m ²)	0	0
	Phòng hoạt động Đội (m ²)	1	52 m ²
	Phòng truyền thống	1	52 m ²
2. Khối phòng g hành chính , quản trị	Phòng Hội trường	1	90 m ²
	Diện tích phòng chờ GV	5	76 m ²
	Phòng Hiệu trưởng	1	26 m ²
	Phòng Phó hiệu trưởng	2	52 m ²
	Phòng họp	1	26 m ²
	Phòng Công đoàn	1	26 m ²
	Phòng Hành chính	1	26 m ²
	Phòng Kế toán	0	0
	Phòng Y tế	3	92 m ²

VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		Số bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định		
1.1	Khối lớp 1		425
1.2	Khối lớp 2		331
1.3	Khối lớp 3		436
1.4	Khối lớp 4		9
1.5	Khối lớp 5		9
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định		
2.1	Khối lớp 1		
2.2	Khối lớp 2		
2.3	Khối lớp 3		
2.4	Khối lớp 4		
2.5	Khối lớp 5		
VIII	Tổng số máy vi tính đang được sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)		Số học sinh/bộ
IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	1	
2	Cát xét	0	
3	Đầu Video/đầu đĩa	0	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	7	
5	Máy chiếu	49	
	Màn chiếu	49	
6	Đàn ooc gan	1	

	Nội dung	Số lượng(m²)		
X	Nhà bếp	0		
XI	Nhà ăn	0		
	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/cỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	Không		
XIII	Khu nội trú	Không		

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m²/học sinh	
		6	Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	Đạt	Đạt			
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

(*Theo Thông tư số 41/2010/TT-BGDĐT ngày 30/12/2010 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường tiểu học và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu- điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh).

		Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	X	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	X	
XVII	Kết nối internet	X	
XVII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	X	
XIX	Tường rào xây	X	

Hạ Long, ngày 01 tháng 09 năm 2022

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thị Thu Thủy